

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ PHÚ THỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 522 /QĐ-UBND

Phú Thịnh, ngày 25 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách xã Phú Thịnh  
năm 2022 trình HĐND xã**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚ THỊNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;*

Xét đề nghị của Ban tài chính xã,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách xã Phú Thịnh năm 2022 trình HĐND xã (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Phú Thịnh, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trường thôn trong xã;
- Lưu: VT, ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lôi Quốc Hưng**



**CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

<b>NỘI DUNG THU</b>	<b>DỰ TOÁN</b>	<b>NỘI DUNG CHI</b>	<b>DỰ TOÁN</b>
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>4.858.038</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>4.858.038</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	34.000	I. Chi đầu tư phát triển	0
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ <sup>(1)</sup>	161.000	II. Chi thường xuyên	4.528.883
III. Thu bổ sung	4.491.364	III. Dự phòng, tiết kiệm chi	157.481
- Bổ sung cân đối	4.491.364	IV. Chi chuyển nguồn cải cách tiền lương năm 2021 chuyển sang năm 2022	171.674
- Bổ sung có mục tiêu	0		
IV. Thu chuyển nguồn	171.674		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

## DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2021		DỰ TOÁN NĂM 2022		So sánh (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4	3	4	3	4
	<b>TỔNG THU</b>	<b>5.743.280</b>	<b>5.743.280</b>	<b>4.858.038</b>	<b>4.858.038</b>	<b>84,59</b>	<b>84,59</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>29.200</b>	<b>29.200</b>	<b>34.000</b>	<b>34.000</b>	<b>116,44</b>	<b>116,44</b>
	Phí, lệ phí	23.200	23.200	25.000	25.000	107,76	107,76
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		0		0		
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		0		0		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		0		0		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		0		0		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		0		0		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		0		0		
	Thu khác	6.000	6.000	9.000	9.000	150,00	150,00
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>202.500</b>	<b>202.500</b>	<b>161.000</b>	<b>161.000</b>	<b>79,51</b>	<b>79,51</b>
1	Các khoản thu phân chia	202.500	202.500	161.000	161.000	79,51	79,51
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		0		0		
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		0		0		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		0		0		
	- Thuế ngoài quốc doanh ( thuế hộ khoán cố định	53.000	53.000	37.000	37.000	69,81	69,81
	- Thuế thu nhập chuyên nhượng BĐS	94.500	94.500	75.000	75.000	79,37	79,37
	- Thuế TNCN từ sản xuất kinh doanh	26.000	26.000	19.000	19.000	73,08	73,08
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	29.000	29.000	30.000	30.000	103,45	103,45
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	0	0	0	0		
	-		0		0		
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>		0		0		
<b>IV</b>	<b>Thu chuyên nguồn</b>	73.974	73.974	171.674	171.674	232,07	232,07
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>	159.607	159.607		0	0,00	0,00
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>5.437.606</b>	<b>5.437.606</b>	<b>4.491.364</b>	<b>4.491.364</b>	<b>82,60</b>	<b>82,60</b>
	- Thu bổ sung cân đối	3.327.253	3.327.253	4.491.364	4.491.364	134,99	134,99
	- Thu bổ sung có mục tiêu	2.110.353	2.110.353	0	0	0,00	0,00



## DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2021			DỰ TOÁN NĂM 2022			SO SÁNH %		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>4.602.287</b>	<b>0</b>	<b>4.602.287</b>	<b>4.858.038</b>	<b>0</b>	<b>4.858.038</b>	<b>105,56</b>		<b>105,56</b>
	<b>Trong đó</b>									
1	Chi giáo dục	0		0	0		0			
2	Chi ứng dụng, chuyên giao công nghệ	0		0	0		0			
3	Chi y tế	92.400		92.400	56.640		56.640	61,30		61,30
4	Chi văn hóa, thông tin	22.000		22.000	31.500		31.500	143,18		143,18
5	Chi phát thanh, truyền thanh	0		0	0		0			
6	Chi thể dục thể thao	85.000		85.000	22.500		22.500	26,47		26,47
7	Chi bảo vệ môi trường	0		0	0		0			
8	Chi các hoạt động kinh tế	25.000		25.000	31.500		31.500	126,00		126,00
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.167.407		4.167.407	4.329.750		4.329.750	103,90		103,90
10	Chi cho công tác xã hội	95.580		95.580	56.993		56.993	59,63		59,63
11	Chi khác	0		0	0		0			
12	Dự phòng ngân sách, tiết kiệm chi 10%	114.900		114.900	157.481		157.481	137,06		137,06
13	Chuyển nguồn cải cách tiền lương năm 2021 chuyển sang 2022	0		0	171.674		171.674			

## CÔNG KHAI THUYẾT MINH

### Dự toán ngân sách xã Phú Thịnh năm 2022 trình HĐND xã

*Căn cứ luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ biên bản thảo luận ngân sách ngày 24 tháng 11 năm 2021 giữa UBND xã Phú Thịnh, Chi cục thuế khu vực Sông Công - Đại Từ, Phòng tài chính-kế hoạch.*

UBND xã Phú Thịnh thuyết minh dự toán ngân sách xã Phú Thịnh năm 2022 trình HĐND cấp xã như sau:

#### **1. Thu ngân sách:**

Dự toán thu ngân sách năm 2022: 4.858.038.000 đồng trong đó: thu cân đối ngân sách năm 2022: 195.000.000 đồng, thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 4.491.364.000 đồng, thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm 2021 chuyển sang: 171.674.000 đồng.

*Đơn vị tính: 1000 đồng*

TT	Chỉ tiêu	KH năm 2022		Ghi chú
		Tổng thu NS	NS xã hưởng	
	<b>Tổng thu (I+II+III+IV)</b>	<b>4.858.038</b>	<b>4.858.038</b>	
<b>I</b>	<b>Thu cân đối</b>	<b>195.000</b>	<b>195.000</b>	
<b>1</b>	<b>Thu ngoài quốc doanh</b>	<b>37.000</b>	<b>37.000</b>	
	Thuế GTGT	37.000	37.000	
<b>2</b>	<b>Thuế thu nhập cá nhân</b>	<b>94.000</b>	<b>94.000</b>	
	Thuế TNCN từ chuyển quyền bất động sản	75.000	75.000	
	Thuế TNCN từ SXKD	19.000	19.000	
<b>4</b>	<b>Lệ phí trước bạ nhà đất</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	
<b>5</b>	<b>Thu phí lệ phí</b>	<b>25.000</b>	<b>25.000</b>	
	Lệ phí môn bài	10.000	10.000	

	Lệ phí chứng thư	15.000	15.000	
<b>6</b>	<b>Thu khác tại xã</b>	<b>9.000</b>	<b>9.000</b>	
<b>II</b>	<b>Thu trợ cấp</b>	<b>4.491.364</b>	<b>4.491.364</b>	
1	Trợ cấp cân đối	4.491.364	4.491.364	
2	Trợ cấp có mục tiêu	-	-	
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>	<b>171.674</b>	<b>171.674</b>	

## 2. Chi ngân sách.

Năm 2022 là năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025. Do vậy định mức chi thường xuyên sẽ thực hiện theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định về định mức phân bổ dự toán chi ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2022. Và theo kết quả thảo luận ngân sách ngày 24 tháng 11 năm 2021 giữa UBND xã Phú Thịnh, Chi cục thuế khu vực Sông Công - Đại Từ, Phòng tài chính- kế hoạch.

Định mức phân bổ cho cán bộ công chức và cán bộ chuyên trách cấp xã là 105 triệu đồng/biên chế/năm bao gồm cả chi khác. Ngoài định mức trên, được bổ sung 130 triệu đồng/năm để chi các nội dung đặc thù của xã (đã bao gồm kinh phí hỗ trợ hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp xã; kinh phí hỗ trợ công tác Đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng).

Định mức phân bổ kinh phí hoạt động các đoàn thể: Mặt trận tổ quốc: 12 triệu đồng/năm. Các đoàn thể còn lại (Đoàn Thanh niên cộng sản HCM, hội Cựu chiến binh, hội Liên hiệp Phụ nữ, hội Nông dân): 10 triệu đồng/đoàn thể/năm.

Kinh phí hoạt động của ban thanh tra nhân dân: 5 triệu đồng/năm, Ban giám sát đầu tư cộng đồng: 10 triệu đồng/ban/năm.

BCĐ toàn dân đoàn kết XDĐSVH: 25 triệu đồng/năm. Kinh phí thực hiện ở khu dân cư 5 triệu đồng/khu dân cư/năm.

Sự nghiệp văn hóa thông tin là: 35 triệu đồng/năm, sự nghiệp thể dục- thể thao là 25 triệu đồng/năm, sự nghiệp kinh tế: 35 triệu đồng/năm. Hỗ trợ hoạt động đảm bảo xã hội 10 triệu đồng/năm. Chi hoạt động quốc phòng an ninh 75 triệu đồng/năm.

**Dự toán chi ngân sách năm 2022: 4.858.038.000 đồng**, trong đó: Chi thường xuyên: 4.528.883.000 đồng, Chi tạo nguồn cải cách tiền lương (tiết kiệm 10% chi việc cải cách tiền lương: 69.481.000 đồng, nguồn cải cách tiền lương năm 2021 chuyển sang: 171.674.000đồng), dự phòng: 88.000.000đ.

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	Nội dung	Số chi phân bổ năm 2022 đã trừ tiết kiệm chi	Ghi chú
A	B		4
	<b>Tổng cộng ( A+B+C)</b>	<b>4.858.038</b>	
<b>A</b>	<b>Tổng chi ngân sách xã(I+II)</b>	<b>4.528.883</b>	
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>		
1	Chi đầu tư XDCB		
2	Chi đầu tư phát triển khác		
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>4.528.883</b>	
<b>1</b>	<b>Chi công tác dân quân TV, ANTT</b>	<b>692.136</b>	
	<b>Chi dân quân tự vệ</b>	<b>440.108</b>	
	- Chi lương, BH, KPCĐ chỉ huy trưởng	75.103	
	- Chi chỉ huy phó (phụ cấp, BH + 0,22+ phụ cấp đặc thù)	53.461	
	- Chính trị viên, chính trị viên phó, chỉ huy trưởng	12.516	
	- Trung đội trưởng cơ động (trách nhiệm + đặc thù)	6.258	
	- Thôn đội trưởng (PC hàng tháng + trách nhiệm	110.856	
	- Tiểu đội trưởng	1.073	
	- Chi phụ cấp thâm niên quân sự	8.341	
	- Chi huấn luyện	135.000	
	- Chi thường xuyên	37.500	
	<b>Chi an ninh trật tự</b>	<b>252.028</b>	
	- Chi PC công an viên	189.528	
	- Hỗ trợ công an chính quy	25.000	
	- Chi thường xuyên	37.500	
<b>2</b>	<b>Sự nghiệp y tế</b>	<b>3.000</b>	
<b>3</b>	<b>phụ cấp nhân viên y tế</b>	<b>53.640</b>	
<b>4</b>	<b>Sự nghiệp văn hoá, thông tin</b>	<b>31.500</b>	
<b>5</b>	<b>Sự nghiệp thể dục, thể thao</b>	<b>22.500</b>	
<b>6</b>	<b>Sự nghiệp kinh tế</b>	<b>31.500</b>	
	Sự nghiệp giao thông	9.000	
	SN nông - lâm - thủy lợi - hải sản	22.500	
	Sự nghiệp thị chính	0	
	Thương mại, dịch vụ	0	
	Các sự nghiệp khác	0	
<b>7</b>	<b>Sự nghiệp xã hội</b>	<b>56.993</b>	
	Hưu xã và trợ cấp khác	45.384	
	BHYT	1.609	

	Khác	10.000	
<b>8</b>	<b>Chi QL nhà nước, đảng, đoàn thể</b>	<b>3.581.614</b>	
8.1	Quản lý nhà nước	<b>1.994.744</b>	
8.1.1	Hội đồng nhân dân	252.229	
	- Chi lương, PC phó CT HĐND	86.182	
	- Chi PC đại biểu HĐND	107.280	
	- 4,5% BHYT đại biểu	8.046	
	- Chi PC ban kinh tế, pháp chế	5.722	
	- Chi khác	45.000	Bổ sung thêm 10tr chi hoạt động
8.1.2	Ủy ban nhân dân	1.742.514	
	- Chi lương CBCC, CT+ BH	837.718	
	- Chi PC NTM	32.720	
	- Chi PC Lao động BVTE	30.932	
	- Chi PC thú y	29.144	
	- Chi PC Trường xóm	207.408	
	- Người hoạt động ở xóm (10 xóm)	113.000	
	- Công tác xã hội tình nguyện	16.092	
	- Tiền điện thấp sáng	40.000	
	- Tiền mạng	7.000	
	- Hợp đồng xã	35.760	
	- Chi thường xuyên	392.739	
8.2	Đảng cộng sản Việt Nam	<b>674.092</b>	
	- Chi lương +BHXH, BHYT, KPCĐ	245.224	
	- Chi PC cấp uỷ	80.460	
	- Chi hoạt động cấp uỷ (bồi dưỡng phục vụ, hội nghị, kiểm tra, giám sát)	20.000	
	- Chi PC BTCB	207.408	
	- Chi thường xuyên	81.000	
	- Bổ sung thêm chi mua sắm của Đảng	40.000	
8.3	Mặt trận tổ quốc	<b>330.207</b>	
	- Chi lương +BHXH, BHYT, KPCĐ	77.479	
	- Chi PC Phó CT MTTQ	32.720	
	- Chi PC Trưởng Ban MT	118.008	
	- Chi thường xuyên	12.000	
	- Chi cụm dân cư (10 xóm x 5tr)	50.000	
	- Chi BCĐ KDC	25.000	
	- Chi thanh tra nhân dân	5.000	
	- Chi giám sát cộng đồng	10.000	
8.4	Đoàn thanh niên CSHCM	<b>127.092</b>	



	- Chi lương +BHXH, BHYT, KPCĐ	76.160	
	- Chi PC Phó BT Đoàn	30.932	
	- Chi thường xuyên	20.000	Huyện phân bổ 10tr. xã phân bổ thêm 10tr đại hội
<b>8.5</b>	<b>Hội phụ nữ Việt Nam</b>	<b>93.942</b>	
	- Chi lương +BHXH, BHYT, KPCĐ	54.798	
	- Chi PC Phó Hội PN	29.144	
	- Chi thường xuyên	10.000	
<b>8.6</b>	<b>Hội nông dân Việt Nam</b>	<b>115.304</b>	
	- Chi lương +BHXH, BHYT, KPCĐ	76.160	
	- Chi PC Phó Hội ND	29.144	
	- Chi thường xuyên	10.000	
<b>8.7</b>	<b>Hội cựu chiến binh Việt Nam</b>	<b>111.952</b>	
	- Chi lương +BHXH, BHYT, KPCĐ	67.457	
	- Chi PC Phó Hội CCB	24.496	
	- Chi thường xuyên	20.000	Huyện phân bổ 10tr. xã phân bổ thêm 10tr đại hội
<b>8.8</b>	<b>Hội người cao tuổi</b>	<b>48.456</b>	
	- Chi phụ cấp chi hội trưởng	21.456	
	- Chi chúc thọ, mừng thọ	27.000	
<b>8.9</b>	<b>Hội chữ thập đỏ</b>	<b>21.456</b>	
	- Chi phụ cấp chi hội trưởng	21.456	
<b>8.10</b>	<b>Hội nạn nhân chất độc da cam</b>	<b>16.092</b>	
<b>8.11</b>	<b>Hội Cựu TNXP</b>	<b>16.092</b>	
<b>8.12</b>	<b>Hội Khuyến học</b>	<b>16.092</b>	
<b>8.13</b>	<b>Hội đồng y</b>	<b>16.092</b>	
<b>9</b>	<b>Chi các khoản khác</b>	<b>56.000</b>	
	-Chi công tác phúc lợi khen thưởng	16.000	
	-Chi việc nâng lương thường xuyên, trước hạn	40.000	
<b>B</b>	<b>Tiết kiệm chi 10% năm 2022 để cải cách tiền lương</b>	<b>69.481</b>	
<b>C</b>	<b>Nguồn cải cách tiền lương năm 2021 chuyển sang</b>	<b>171.674</b>	
<b>D</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>88.000</b>	

Trên đây là thuyết minh dự toán ngân sách xã Phú Thịnh năm 2022 trình HĐND cấp xã./.

Nơi nhận :

- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Lưu: VT, ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**  
**CHỦ TỊCH**



**Lôi Quốc Hưng**